

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2026/VBHN-NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội

Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 được thay thế, hết hiệu lực một phần bởi:

1. Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở; nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội, có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

2. Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026;

3. Nghị quyết số 81/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức chi hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao các cấp của thành phố Hà Nội và chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên khi tham gia các giải thi đấu thể dục thể thao cho mọi người, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 05 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 ngày 11 tháng 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 ngày 9 tháng 2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính

phủ về cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025";

Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đề điều và xử lý cấp bách sự cố đề điều;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên Bộ: Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét Tờ trình số 311/TTr-UBND 01 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố về việc quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; Tờ trình số 298/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố để điều chỉnh hệ thống để điều chỉnh do thành phố Hà Nội quản lý; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách; các Báo cáo thẩm tra số: 118/BC-VHXX, 119/BC-VHXX, 120/BC-VHXX, 121/BC-VHXX ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội; các Báo cáo thẩm tra số: 86/BC-PC, 87/BC-PC, 88/BC-PC ngày 02 tháng 12 năm 2021, 115/BC-PC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế; các Báo cáo giải trình, tiếp thu số: 355/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021, 370/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp.¹

¹ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghị công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*)

2.² (*hết hiệu lực*).

3. Quy định chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo*).

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết “Quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-BPC ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố giải trình ý kiến tham tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp”

- Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội và Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bổ sung nội dung Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo thẩm tra số 45/BC-VHXXH ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 156/BC-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp”

- Nghị quyết số 81/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số 289/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao các cấp của thành phố Hà Nội và chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên khi tham gia các giải thi đấu thể dục thể thao cho mọi người; Báo cáo thẩm tra số 105/BC-BVHXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 326/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;”

² Khoản này đã hết hiệu lực thi hành theo Điều 6 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

4. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 quy định nội dung, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo*)³.

5. Quy định về mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo*).

6. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới (*Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo*).

7.⁴ (*được thay thế*)

8. Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 08 kèm theo*).

9. Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 09 kèm theo*).

10. Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (*Chi tiết tại Phụ lục 10 kèm theo*).

11.⁵ (*hết hiệu lực*)

12. Quy định nội dung chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đề điều hệ thống đề điều do thành phố Hà Nội quản lý (*Chi tiết tại Phụ lục 12 kèm theo*).

Điều 2. Điều khoản thi hành⁶

³ Khoản này được thực hiện hợp nhất tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

⁴ Khoản này được thay thế bởi khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

⁵ Khoản này hết hiệu lực bởi khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 81/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

⁶ Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 81/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch; tổng hợp, đánh giá việc thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Phụ lục 11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội

đồng nhân dân Thành phố quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do Thành phố Hà Nội tổ chức.

b) Mục B phần III Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền thưởng đối với giải thưởng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; lĩnh vực thể thao quần chúng do các cấp thành phố, khu vực, toàn quốc tổ chức và chế độ đối với vận động viên khi tham gia các giải thi đấu thể thao quần chúng.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các giải thi đấu thể thao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đơn vị tổ chức chủ động sắp xếp kinh phí trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện theo quy định.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026”

- Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức một số kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội; chịu trách nhiệm về tình khách quan, chính xác của các số liệu trong hồ sơ trình.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Phụ lục 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Bãi bỏ Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

- Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND, có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 6. Điều khoản thi hành

Khi Nghị quyết này có hiệu lực, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 21/2008/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức phụ cấp và kinh phí mua sắm trang bị phương tiện làm việc đối với lực lượng bảo vệ dân phố của phường, thị trấn, các chế độ phụ cấp cho lực lượng bảo vệ dân phố của phường, thị trấn nơi bố trí lực lượng công an chính quy trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Điều 1 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định số lượng, mức phụ cấp thường xuyên đối với Công an xã bản chuyên trách được bố trí ở thôn tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở; mức chi hỗ trợ thời việc đối với Công an xã bản chuyên trách nghỉ công tác mà không bố trí sắp xếp được công tác khác hoặc không tiếp tục tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Phụ lục số 02 của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.
 3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp, Thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các quận, huyện, thị xã tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
 4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viển dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
- Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2021./.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 7 năm 2024./."

PHỤ LỤC 01

**CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN; CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN VÀ CÔNG
CHỨC PHƯỜNG NGHỈ CÔNG TÁC DO THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM TỔ
CHỨC MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ**1. Đối tượng hỗ trợ**

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phường và không được bố trí sang các chức danh cán bộ, công chức khác;

b) Các trường hợp đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nhưng không đủ điều kiện để bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và không được bố trí sang các chức danh cán bộ, công chức khác;

c) Công chức phường không đủ điều kiện chuyển thành công chức thuộc biên chế công chức do Ủy ban nhân dân quận, thị xã quản lý.

2. Thời điểm nghỉ công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, công chức phường do thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị từ khi Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ có hiệu lực đến ngày 01/7/2021.

III. CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ

Hỗ trợ 03 tháng lương hiện hưởng/người đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không đủ điều kiện để bổ nhiệm; công chức phường không được chuyển thành công chức thuộc biên chế quận, thị xã phải nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị. Mức lương hiện hưởng bao gồm: lương theo hệ số, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội được bố trí từ nguồn thực hiện cải cách tiền lương của ngân sách quận, thị xã./.

**PHỤ LỤC 02⁷**

⁷ Phụ lục này hết hiệu lực theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 12/2024/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

PHỤ LỤC 03

**QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HÀNG THÁNG CHO NGƯỜI CÓ UY
TÍN TRONG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Ngoài các chính sách được quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Hà Nội được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 50% mức lương cơ sở/người/tháng.

Mức lương cơ sở được áp dụng thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

V. THỜI GIAN HIỆU LỰC THI HÀNH

Từ ngày 01/01/2022 đến khi Chính phủ triển khai áp dụng chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp./.

**PHỤ LỤC 04⁸**

⁸ Phụ lục này được thực hiện hợp nhất tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

PHỤ LỤC 05

QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

**I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**

Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ từ ngân sách thành phố Hà Nội thực hiện Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030.

III. MỨC CHI

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	Nội dung và mức chi để thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng	
1	Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng	
a)	Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết)	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
b)	Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, băng điện tử)	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình

STT	Nội dung chi	Mức chi
		nghệ thuật biểu diễn khác
c)	Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình và Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 của Bộ Thông tin và truyền thông ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh;
d)	Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm)	Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;
đ)	Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2	Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
II	Nội dung và mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng	
1	Xây dựng, ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chuyên gia năng suất	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của Thành phố

STT	Nội dung chi	Mức chi
2	Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.
3	Chi tổ chức các khóa đào tạo	
a)	Tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác của thành phố Hà Nội
b)	Tổ chức các khóa đào tạo tại nước ngoài cho các chuyên gia năng suất chất lượng đạt trình độ khu vực và quốc tế	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22/8/2017 của Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.
4	Thuê chuyên gia, giảng viên trong nước và nước ngoài tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định	Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo cán cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Căn cứ mức tiền thuê chuyên gia quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng

STT	Nội dung chi	Mức chi
		hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định mức chi trả cụ thể cho chuyên gia trong phạm vi dự toán được phê duyệt.
III	Nội dung và mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	
1	Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương của thành phố Hà Nội
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế	Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mức quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của Thành phố và theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.
IV	Nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung theo Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322 tại Thành phố	
1	Chỉ tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của

STT	Nội dung chi	Mức chi
	thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học	Thành phố
2	Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy, năng suất quốc gia, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của Thành phố
3	Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội
4	Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc).	Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.
5	Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng	Mức chi khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để tôn vinh, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy chế khen thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức khen thưởng

STT	Nội dung chi	Mức chi
		theo quy định của pháp luật.
6	Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội.
7	Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cơ chế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp ở các cấp độ và các khoản chi khác trực tiếp của Kế hoạch thực hiện thực hiện Chương trình 1322	Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.
V	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế	
1	Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố	Nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của Thành phố
2	Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông	

STT	Nội dung chi	Mức chi
	minh	
3	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp	
4	Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế	
5	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22/8/2017 của Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách nhà nước theo phân cấp./.

PHỤ LỤC 06

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐỐI VỚI SÁNG
CHẾ, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP VÀ NHÃN HIỆU; ĐĂNG KÝ BẢO HỘ,
CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG MỚI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

**I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH**

Ngân sách Thành phố hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới để thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030.

Các nội dung khác về quản lý và sử dụng kinh phí; nội dung và mức chi; lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

III. MỨC HỖ TRỢ

1. Đối với đăng ký bảo hộ trong nước:

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn.

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

2. Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đơn đăng ký bảo hộ sáng chế; đơn đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp./.

PHỤ LỤC 07⁹**PHỤ LỤC 08**

**QUY ĐỊNH MỨC CHI TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ
QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỚI,
SÁCH GIÁO KHOA MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Nghị quyết quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới của thành phố Hà Nội quy định tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình, sách giáo khoa mới cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội quy định tại Mục III.2.a Điều 1 Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”.

Quy định này không điều chỉnh đối với việc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về sách giáo khoa do các nhà xuất bản thực hiện.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; công chức trong cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập (sau đây gọi tắt là học viên); các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

III. MỨC CHI

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm

⁹ Phụ lục này được thay thế bởi khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

TT	Nội dung chi	Mức chi
		2016 của HĐND Thành phố (Phụ lục 01 quy định nội dung và mức chi của các cuộc Điều tra thống kê do ngân sách Thành phố bảo đảm).
2	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị có liên quan; chi đi công tác để kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, đánh giá kết quả tập huấn, bồi dưỡng	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND Thành phố (Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội).
3	Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng mới; Chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình tài liệu tập huấn, bồi dưỡng	Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình tập huấn, bồi dưỡng.
4	Chi số hóa tài liệu phục vụ tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến	
a	Các khoản tiền công: Xây dựng kịch bản dạy học (chuỗi các hoạt động dạy học) của bài học; Xây dựng nội dung chi tiết của bài học (từng hoạt động) theo kịch bản dạy học (Sản phẩm bao gồm nội dung các hoạt động dạng text và các chỉ dẫn/cài đặt để sử dụng các tư liệu trong từng hoạt động, chưa bao gồm các tài liệu đa phương tiện (multimedia) như hình ảnh, âm thanh, phương tiện điện tử ghi, sao chép (video), đồ họa (infographics)...); Chuyên gia/giáo viên ghi hình (Nghiên cứu kịch bản và nội dung tiết	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò, nhiệm vụ, yêu cầu về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng; Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định mức tiền công cụ thể cho từng thành viên thực hiện các nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương.

TT	Nội dung chi	Mức chi
	học; phối hợp với kỹ thuật viên video để chuẩn bị; phối hợp ghi hình); Xây dựng bản yêu cầu/hướng dẫn biên tập video (hậu kỳ, thời lượng video tối đa 90 phút); Thống kê và xử lý cơ bản dữ liệu kết quả của khóa tập huấn, bồi dưỡng (danh sách điểm, phân nhóm đối tượng, phổ điểm, tỷ lệ - tối thiểu cho 250 học viên)	
b	Chi phí quay video bài giảng (thời lượng tối đa của video không quá 90 phút; giá bao gồm công kỹ thuật viên và thiết bị; chưa bao gồm phí đi chuyên, lưu trú, ăn uống của kỹ thuật viên (01-02 người))	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.
c	Chi biên tập video (cắt/ghép video theo yêu cầu của chuyên gia; chuyển đổi định dạng, độ phân giải, làm việc theo chỉ đạo của chuyên gia)	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.
d	Chi nhập liệu nội dung dạng văn bản (bao gồm chèn ảnh có sẵn); Chi số hóa câu hỏi vào hệ thống học tập trực tuyến gắn với hoạt động học (dữ liệu có cấu trúc; yêu cầu bản ghi (file) câu hỏi, trong đó nêu rõ đáp án); Chi số hóa nội dung văn bản vào hệ thống quản lý học tập; Chi phí gia công bài giảng điện tử tương tác	Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.
5	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên	Căn cứ yêu cầu chất lượng khóa tập huấn, bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng

TT	Nội dung chi	Mức chi
		quyết định mức chi tiền công cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (gồm cả hình thức tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp và trực tuyến); tiền công cho nhân viên giám sát, vận hành hệ thống học tập trực tuyến (trường hợp thuê hệ thống quản lý học tập trực tuyến thì tiền công cho người giám sát, vận hành hệ thống học tập trực tuyến tính trong tổng mức kinh phí thuê) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao. Tổng mức chi tiền công: 2.000.000 đồng/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học), được tính cho tất cả các thành viên trực tiếp tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi tập huấn, bồi dưỡng, số lượng các thành viên tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Số giờ giảng vượt định mức của các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; giờ giảng của các giảng viên là giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán làm nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương cho những giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục còn lại được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ tiền công giảng viên theo quy định.

TT	Nội dung chi	Mức chi
6	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên	Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND Thành phố (Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội).
7	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên	Thực hiện theo mức chi theo quy định hiện hành tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND Thành phố (Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội). Áp dụng trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên mà phải đi thuê.
8	Chi thuê biên dịch, phiên dịch	Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của HĐND Thành phố (Phụ lục 02 quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước của thành phố Hà Nội).
9	Chi nước uống phục vụ lớp học	Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND Thành phố (Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội).

TT	Nội dung chi	Mức chi
10	Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi	Áp dụng mức chi ra đề của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông tại Thông tư số 69/2021/TT- BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; mức chi coi thi, chấm thi của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông do HĐND thành phố Hà nội quy định. Riêng đối với các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; các giảng viên là giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán làm nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng ở địa phương cho những giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục còn lại (nếu có): thực hiện quy đổi thời gian ra giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
11	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc	Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp tập huấn, bồi dưỡng, cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức tối đa không quá 200.000 đồng/học viên.
12	Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế	Chi áp dụng cho các lớp có thời gian đi học tập nghiên cứu thực tế được quy định trong chương trình học được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
a	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

TT	Nội dung chi	Mức chi
b	Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế	Do Thứ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở tổ chức tập huấn, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND Thành phố (Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội) và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao.
13	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại cho học viên từ cơ quan đến nơi tập huấn, bồi dưỡng (một lượt đi và về); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung tại cơ sở tập huấn, bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở tập huấn, bồi dưỡng và đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)	Căn cứ địa điểm tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng và khả năng ngân sách, Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan cử học viên tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cốt cán), các cơ sở giáo dục (cơ quan cử học viên tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) chi hỗ trợ cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được cử đi tập huấn, bồi dưỡng các khoản chi phí này đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này phù hợp với mức chi hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của HĐND Thành phố (Phụ lục 03 quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội). Không hỗ trợ tiền ăn trong trường hợp học viên chỉ tham gia học nửa ngày.

Các nội dung chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp.
2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các cơ sở giáo dục công lập.
3. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy

định của pháp luật của các cơ sở giáo dục; đóng góp của học viên.

4. Nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục ngoài công lập./.

PHỤ LỤC 09**QUY ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA
NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. MỨC HỖ TRỢ

Mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội là 12.000.000 đồng/Ban/năm.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách quận, thị xã đảm bảo đối với chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường; ngân sách xã, thị trấn đảm bảo đối với chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, thị trấn./.

PHỤ LỤC 10

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐẶC THÙ PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG



(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (TTATGT) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các nội dung, mức chi khác phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT và các quy định khác có liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Ban An toàn giao thông Thành phố.
2. Ban An toàn giao thông quận, huyện, thị xã.
3. Công an Thành phố.
4. Sở Giao thông vận tải (Thanh tra Sở Giao thông vận tải).
5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

III. NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

1. Các nội dung chi thuộc cấp Thành phố:

a) Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn khi đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 2.000.000 đồng/người. Mức độ bị thương tai nạn do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Chi hỗ trợ ban đầu cho gia đình cán bộ hy sinh đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 5.000.000 đồng/người.

c) Chi hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TTATGT của lực lượng Công an, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Ban An toàn giao thông Thành phố: 100.000 đồng/người/ca (01 ca từ đủ 04 giờ trở lên)

d) Chi bồi dưỡng lực lượng Thanh tra Sở giao thông vận tải trực tiếp tham gia công tác bảo đảm TTATGT: 1.000.000 đồng/người/tháng. Số lượng, đối tượng tham gia trực tiếp do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán phân công, tự chịu trách nhiệm.

e) Chi bồi dưỡng cho thành viên của Ban An toàn giao thông Thành phố: 700.000 đồng/người/tháng.

g) Chi bồi dưỡng cho tổ giúp việc của Ban An toàn giao thông Thành phố: 500.000 đồng/người/tháng.

h) Chi bồi dưỡng cho cán bộ, lực lượng khác thuộc các tổ chức, đơn vị của Thành phố tham gia trực tiếp, phối hợp giữ gìn TTATGT: 50.000 đồng/người/ca.

2. Các nội dung chi thuộc cấp quận, huyện, thị xã:

a) Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn khi đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 2.000.000 đồng/người. Mức độ bị thương tai nạn do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Chi hỗ trợ ban đầu cho gia đình cán bộ hy sinh đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 5.000.000 đồng/người.

c) Chi bồi dưỡng cho thành viên của Ban An toàn giao thông quận, huyện, thị xã: 600.000 đồng/người/tháng.

d) Chi bồi dưỡng cho cán bộ, lực lượng khác thuộc các tổ chức, đơn vị tham gia trực tiếp, phối hợp giữ gìn TTATGT: 50.000 đồng/người/ca.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách các cấp của Thành phố bố trí hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các đơn vị.

2. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

3. Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo TTATGT.

4. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật./.



PHỤ LỤC 11¹⁰

¹⁰ Phụ lục này hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 81/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

PHỤ LỤC 12

NỘI DUNG CHI DUY TU, BẢO DƯỠNG VÀ XỬ LÝ CẤP BÁCH SỰ CỐ ĐÊ ĐIỀU III. THÔNG ĐỀ ĐIỀU DO THÀNH PHỐ HÀ NỘI QUẢN LÝ



(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều gồm:

1. Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê: San lấp ổ gà, rãnh nước mặt đê; san gạt lề đê; San lấp rãnh xói mái đê; sửa chữa hư hỏng mặt đường đê kết cấu nhựa; sửa chữa hư hỏng mặt đường đê kết cấu bê tông.
2. Sửa chữa gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều.
3. Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè; bảo trì cỏ kỹ thuật trên đê; phát quang mái, chân đê, mái kè.
4. Đắp đất, trồng cây chắn sóng; duy trì, chăm sóc và bảo vệ tre chắn sóng.
5. Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ẩn họa trong thân đê; khoan phục vữa gia cố chất lượng thân đê.
6. Kiểm tra đánh giá chất lượng cống dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của cống dưới đê.
7. Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè; nạo vét rãnh thoát nước đỉnh kè.
8. Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ.
9. Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giám áp; điểm canh đê.
10. Bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão liên quan đến đê điều.
11. Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão.

II. Nội dung chi xử lý cấp bách sự cố đê điều gồm:

1. Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè.
2. Xử lý nứt đê.
3. Xử lý sập tổ mối trên đê.
4. Xử lý sụt, lún thân đê.
5. Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều.
6. Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê.

7. Xử lý lỗ sùi, mạch sùi, bãi sùi, mạch đùn, bực đất, giếng phụt.
8. Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đình đê.
9. Xử lý các sự cố hư hỏng cống qua đê.
10. Hàn khẩu đê.
11. Xử lý giếng giảm áp làm việc không bình thường: Nước từ trong giếng, khu vực cát thấm lọc có hiện tượng nước đục và kéo theo bùn cát thoát ra ngoài./.

Nơi nhận: **SU**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác của đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

CHỦ TỊCH



Phong Thị Hồng Hà